

Số 69 /2013/QĐ- UBND

Hà Nội ngày 30 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch
và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hà Nội.**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 20 tháng 5 năm 1998;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21/11/2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;

Căn cứ Thông tư số 75/2012/TTLT-BTC- BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của Liên Bộ: Tài chính- Xây dựng-Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 9914/TTr-SXD ngày 20/12/2011, Công văn số 1424/SXD-HT ngày 08/3/2013 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại văn bản số 715/STP-VBPQ ngày 26/4/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Quy hoạch Kiến trúc, Giao thông Vận tải, Y tế, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy; Giám đốc Công an Thành phố; Viện trưởng Viện Quy hoạch Xây dựng Hà Nội, Cục trưởng Cục Thuế Thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Tổng Giám đốc, Giám đốc các đơn vị cung cấp nước sạch và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Đ/c Bí thư Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP;
- Đ/c Chủ tịch UBND TP;
- Các đ/c PCT UBND TP;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, TNMT, Tư pháp;
- Ban Tuyên giáo TƯ, VP TƯ;
- Các Sở: Tư pháp, TT&TT, NN&PTNT;
- Các đơn vị cấp nước trên địa bàn TP;
- Cục quản lý văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công Thông tin điện tử CP;
- VPUB: các PVP, QHXDGT, TH, PC, KT;
- Báo: HNM, KTĐT; Đài PTTH HN (để đưa tin);
- Cổng giao tiếp điện tử HN, TT công báo;
- Lưu VT, QHXDGT

Thắng
85

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Khôi

QUY ĐỊNH
Về sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch
và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hà Nội.
(Ban hành kèm theo Quyết định số 69 /2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về các hoạt động của các tổ chức, cá nhân, liên quan đến lĩnh vực sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tại các khu vực sử dụng nước sạch tập trung do Thành phố quản lý.

2. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động liên quan đến sản xuất, cung cấp và sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tại các khu vực sử dụng nước sạch tập trung do Thành phố quản lý.

Khuyến khích các đối tượng sử dụng nước từ mạng lưới cấp nước độc lập khu vực nông thôn và các thị trấn áp dụng quy định này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Sản xuất nước sạch là quá trình khai thác nguồn nước dưới đất hoặc nguồn nước mặt các sông hồ, qua xử lý tạo thành nước sạch đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước ăn uống: QCVN 01:2009/BYT, ban hành kèm theo Thông tư số 04/2009/TT-BYT ngày 17/6/2009 của Bộ Y tế.

2. Cung cấp nước sạch là quá trình đưa nước sạch sau khi sản xuất vào mạng lưới đường ống tới địa điểm khách hàng sử dụng yêu cầu cung cấp.

3. Điểm đầu nối là điểm nối vào mạng cấp nước của đơn vị cấp nước cho khách hàng sử dụng nước.

4. Khu vực sử dụng nước sạch tập trung do Thành phố quản lý là khu vực bao gồm: các quận và các xã thuộc các huyện lân cận đô thị trung tâm, sử dụng nước sạch cung cấp từ hệ thống cấp nước tập trung của Thành phố và do Thành phố quản lý.

5. Hành lang bảo vệ an toàn đường ống cấp nước là khoảng cách bảo vệ đường ống nước được tính từ tim ống trở ra hai phía, phụ thuộc vào đường kính của đường ống cấp nước.

Điều 3. Chính sách, kế hoạch phát triển cấp nước

1. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển và quản lý hoạt động cấp nước. Các đơn vị cấp nước được nhà nước ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Kế hoạch phát triển cấp nước phải phù hợp với quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, quy hoạch chuyên ngành cấp nước và nhu cầu thực tế.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Sản xuất nước sạch

Đơn vị cấp nước khi thực hiện hoạt động khai thác, sản xuất nước phải tuân thủ quy trình khai thác nguồn nước dưới đất hoặc nguồn nước mặt các sông, hồ; chịu trách nhiệm về chất lượng nước sau xử lý đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2009/TT-BYT ngày 17/6/2009 của Bộ Y tế; tuân thủ các văn bản quy phạm pháp luật khác do các bộ, ngành Trung ương và UBND Thành phố ban hành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động cấp nước.

Điều 5. Điểm đầu nối

Đơn vị cấp nước phải xác định các điểm đầu nối vào mạng lưới cấp nước cho khách hàng sử dụng nước. Các điểm đầu nối phải đặt ngay sát chỉ giới sử dụng đất hoặc chân tường rào công trình của khách hàng sử dụng nước trong điều kiện cho phép; trường hợp chưa có mạng lưới cấp nước hoặc khách hàng ở quá xa không đảm bảo áp lực thì đơn vị cấp nước phải trả lời khách hàng.

Điều 6. Chi phí xây dựng hệ thống ống dịch vụ và đồng hồ đo nước

Đơn vị cấp nước có trách nhiệm đầu tư đồng bộ đến điểm đầu nối tại các hộ tiêu thụ bao gồm cả đồng hồ đo nước; sau đồng hồ đo nước do khách hàng sử dụng nước chịu trách nhiệm về chi phí, đầu tư.

Điều 7. Di dời hệ thống mạng lưới ống cấp nước

Việc di dời hệ thống mạng lưới ống cấp nước do đơn vị cấp nước quản lý phải được đơn vị cấp nước thực hiện và trong những trường hợp sau:

1. Di dời để phù hợp với nhu cầu xây dựng, quy hoạch các công trình đô thị như: nhà, đường, cầu cảng, công trình thoát nước, điện lực, bưu chính viễn thông, công trình chỉnh trang đô thị... theo dự án xây dựng, quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; chi phí di dời nằm trong tổng mức chi phí của dự án.

2. Di dời theo yêu cầu của khách hàng sử dụng nước và phù hợp với các điều kiện quản lý mạng cấp nước của đơn vị cấp nước. Trường hợp này, chi phí di dời do bên khách hàng sử dụng nước chịu trách nhiệm thanh toán cho đơn vị cấp nước theo định mức, đơn giá tại thời điểm yêu cầu.

Điều 8. Hệ thống ống dẫn nước sau đồng hồ đo nước

1. Hệ thống ống dẫn nước sau đồng hồ đo nước do khách hàng sử dụng nước tự thiết kế, lắp đặt phải thích hợp với các thiết bị, đường ống của đơn vị cấp nước, đảm bảo không gây sự cố, rủi ro cho đơn vị cấp nước. Khi khách hàng sử dụng nước đề nghị đơn vị cấp nước thiết kế, lắp đặt hệ thống cấp nước sau đồng hồ đo nước thì đơn vị cấp nước và khách hàng tự thỏa thuận thực hiện.

2. Nghiêm cấm việc dùng bơm hút trực tiếp nước từ đường ống nước.

3. Nghiêm cấm đầu chung nguồn nước giếng đào hoặc giếng khoan với nguồn nước do đơn vị cấp nước cung cấp.

4. Đơn vị cấp nước thường xuyên kiểm tra đồng hồ đo nước và hệ thống ống dẫn nước sau đồng hồ đo nước của khách hàng. Khi thực hiện kiểm tra, nhân viên kiểm tra phải mặc đồng phục, đeo phù hiệu, xuất trình thẻ kiểm tra cho khách hàng. Khách hàng có trách nhiệm tạo điều kiện cho nhân viên kiểm tra của đơn vị cấp nước thực hiện nhiệm vụ.

Điều 9. Cấp nước cho khu nhà ở đô thị, khu tái định cư, khu nhà ở công nhân, khu, cụm công nghiệp, thương mại và dịch vụ.

1. Khi lập dự án đầu tư xây dựng các khu nhà ở đô thị, khu tái định cư, khu nhà ở công nhân, khu, cụm công nghiệp, thương mại và dịch vụ, các nhà đầu tư hoặc các chủ đầu tư có nhu cầu về cấp nước phải có văn bản thoả thuận về đầu nối nguồn cấp nước, về thiết kế, giám sát thi công với đơn vị cấp nước quản lý địa bàn sau khi đã có thoả thuận về khớp nối hạ tầng của cơ quan quản lý nhà nước. Thời gian đơn vị cấp nước có văn bản trả lời là sau 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thảo thuận cấp nước của các nhà đầu tư, các chủ đầu tư.

2. Đối với khu nhà ở đô thị, khu tái định cư khi có yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, đơn vị cấp nước tiếp nhận ngay mạng lưới cấp nước do chủ đầu tư bàn giao và thông báo để khách hàng sử dụng nước biết để ký hợp đồng dịch vụ cấp nước theo quy định. Trình tự, thủ tục tiếp nhận bàn giao hệ thống cấp nước các khu chung cư phục vụ công tác tái định cư thực hiện theo quyết định số 20/2011/QĐ-UBND ngày 05/7/2011 của UBND Thành phố Hà Nội.

3. Đối với các khu nhà ở công nhân, khu, cụm công nghiệp, thương mại và dịch vụ đơn vị cấp nước thực hiện lắp đặt đồng hồ tổng và cấp nước đến chân hàng rào.

Điều 10. Cung cấp nước phòng cháy, chữa cháy

1. Đơn vị cấp nước đảm bảo cung cấp đủ áp lực, lưu lượng cho hệ thống họng, trụ cứu hoả trên địa bàn thành phố.

2. Các hành vi xâm phạm, gây thiệt hại đến hệ thống cấp nước phòng cháy, chữa cháy; các hành vi gây cản trở, trì hoãn việc lấy nước phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy sẽ bị xử lý theo Nghị định số 52/2012/NĐ-CP ngày 14/6/2012 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy.

Điều 11. Tạm ngừng cung cấp nước

Đơn vị cấp nước được tạm ngừng cung cấp nước trong các trường hợp sau:

1. Hệ thống cấp nước bị sự cố, hư hỏng đột xuất, hoặc di chuyển, sửa chữa, cải tạo theo kế hoạch hàng năm của đơn vị cấp nước; Đơn vị cấp nước có trách nhiệm thông báo cho khách hàng trên các phương tiện thông tin đại chúng và chuẩn bị phương án cấp nước ngay bằng xe stéc đối với khu vực mất nước.

2. Theo quyết định hoặc đề nghị bằng văn bản của cơ quan Nhà nước cơ thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp khác được quy định tại khoản 1, điều 45 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và khoản 2, điều 19 của bản Quy định này.

Chương III

ĐỒNG HỒ ĐO NƯỚC

Điều 12. Lắp đặt đồng hồ đo nước.

Điểm lắp đồng hồ đo nước theo quy định của đơn vị cấp nước, bảo đảm thuận tiện cho việc lắp đặt, quản lý, kiểm tra ghi thu và bảo vệ an toàn đồng hồ. Đơn vị cấp nước thực hiện việc lắp đặt đồng hồ đo nước. Mỗi khách hàng sử dụng nước chỉ được lắp đặt 01 đồng hồ đo nước.

a) Đơn vị cấp nước phải niêm yết công khai các quy định về thủ tục giải quyết việc cấp nước, lắp đặt đồng hồ đo nước.

b) Hồ sơ lắp đặt đồng hồ đo nước gồm:

- Đơn đề nghị cấp nước và lắp đặt mới đồng hồ đo nước theo mẫu (xem phụ lục) có xác nhận của chính quyền địa phương và một trong các loại giấy tờ liên quan sau:

+ Hộ khẩu thường trú hoặc giấy xác nhận tạm trú của cơ quan công an;

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất;

+ Hợp đồng chuyển quyền sở hữu nhà có công chứng hoặc UBND cấp có thẩm quyền xác nhận;

+ Hợp đồng của cá nhân, tổ chức thuê nhà của nhà nước;

+ Giấy phép xây dựng;

+ Quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản án có hiệu lực thi hành của tòa án công nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất.

c) Thời gian giải quyết việc lắp đặt đồng hồ đo nước là 20 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ của khách hàng (không tính thời gian xin phép đào đường, hè hoặc thời gian khắc phục trở ngại khách quan trong thi công).

Điều 13. Bảo quản đồng hồ đo nước

1. Khách hàng sử dụng nước có trách nhiệm bảo vệ, bảo quản đồng hồ đo nước và các chi niêm phong đối với trường hợp đồng hồ đo nước đặt trong chỉ giới nhà ở hoặc sử dụng đất của khách hàng. Nghiêm cấm các hành vi tự ý đục phá, xê dịch vị trí, nâng, hạ, sửa chữa, thay đổi cỡ, loại, tự ý tháo gỡ, điều chỉnh đồng hồ đo nước.

2. Thay đồng hồ đo nước.

a) Trường hợp mất đồng hồ đo nước, hư hỏng đồng hồ đo nước do lỗi của khách hàng, đơn vị cấp nước thay đồng hồ đo nước khác; chi phí thay thế đồng hồ đo nước do khách hàng thanh toán theo bảng giá của đơn vị cấp nước;

b) Trường hợp đồng hồ đo nước bị hư hỏng hoặc vì lý do khách quan mà chi niêm phong bị đứt, khách hàng phải thông báo ngay cho đơn vị cấp nước biết để tiến hành kiểm tra, bấm chi hoặc thay đồng hồ đo nước khác; chi phí thay thế đồng hồ đo nước do đơn vị cấp nước thanh toán;

c) Đơn vị cấp nước có trách nhiệm thay đồng hồ đo nước miễn phí cho khách hàng khi đồng hồ đo nước không đọc được chỉ số, bị hư hỏng, do lỗi kỹ thuật của đồng hồ đo nước hoặc đến kỳ hạn kiểm định phải thay thế theo yêu cầu quản lý.

Điều 14. Kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước

1. Khách hàng có quyền yêu cầu đơn vị cấp nước kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước khi nghi ngờ đồng hồ đo nước chạy không chính xác. Đồng hồ đo nước được xem là vẫn chạy chính xác nếu kết quả kiểm tra, kiểm định có sai số không vượt quá $\pm 5\%$ lượng nước thực tế qua đồng hồ đo nước.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của khách hàng, đơn vị cấp nước phải tiến hành kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước.

Việc kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước phải có sự chứng kiến của khách hàng và được lập biên bản ghi rõ nội dung sự việc. Biên bản được lập 02 bản, đơn vị cấp nước giữ 01 bản, khách hàng giữ 01 bản.

3. Kết quả kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước được giải quyết như sau:

a) Nếu độ sai số của đồng hồ đo nước vẫn nằm trong giới hạn cho phép (ghi cụ thể giới hạn cho phép) thì khách hàng yêu cầu kiểm tra, kiểm định phải chịu chi phí kiểm tra, kiểm định;

b) Nếu sai số vượt quá giới hạn cho phép, khách hàng yêu cầu kiểm tra, kiểm định không phải thanh toán chi phí kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước, đơn vị cấp nước phải thay đồng hồ đo nước cho khách hàng, đồng thời, phải hoàn trả lại cho khách hàng số tiền nước đã thu tương ứng với sai số lượng nước chạy nhanh (theo kết quả kiểm định) trong kỳ hóa đơn khách hàng có yêu cầu kiểm định đồng hồ đo nước;

Nếu đồng hồ đo nước chạy chậm vượt quá giới hạn sai số cho phép thì đơn vị cấp nước phải thay đồng hồ đo nước cho khách hàng; khách hàng không phải thanh toán thêm cho đơn vị cấp nước số tiền tương ứng với lượng nước do đồng hồ đo nước chạy chậm.

4. Ghi chỉ số đồng hồ đo nước

a) Trường hợp chỉ số đồng hồ đo nước bị ghi sai lệch dẫn đến việc tính không chính xác lượng nước sử dụng cho khách hàng, thì đơn vị cấp nước phải thông báo cho khách hàng biết lượng nước sai biệt và sẽ điều chỉnh vào kỳ hóa đơn tiếp theo;

b) Trường hợp đồng hồ đo nước bị hư hỏng, hoặc vì những lý do khác mà đơn vị cấp nước không thể ghi được chỉ số đồng hồ đo nước thì lượng nước sử dụng trong kỳ hóa đơn được tính theo phương pháp trung bình cộng của hoá đơn tiền nước 2 tháng trước đó, nhưng không được kéo dài quá hai kỳ hóa đơn liên tiếp. Đơn vị cấp nước phải có biện pháp để đọc được chỉ số đồng hồ đo nước, hoặc tạm ngừng cấp nước.

5. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm xây dựng kế hoạch kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước theo định kỳ và chịu trách nhiệm về tính chính xác của đồng hồ đo nước.

6. Trường hợp khách hàng sử dụng nước không nhất trí với kết quả kiểm định của đơn vị cấp nước thì có quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước về cấp nước ở địa phương tổ chức kiểm định độc lập theo quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5, Điều 50 Nghị định số 117/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ.

Chương IV

GIÁ NƯỚC SẠCH

Điều 15. Giá nước sạch.

1. UBND Thành phố phê duyệt phương án giá nước sạch và ban hành biểu giá nước sinh hoạt trên địa bàn Thành phố. Đơn vị cấp nước tự quyết định giá nước sạch cho các mục đích sử dụng khác ngoài giá nước sạch cho sinh hoạt, đảm bảo phù hợp với phương án giá nước sạch đã được UBND Thành phố phê duyệt.

2. Giá nước bán buôn do đơn vị cấp nước bán buôn và đơn vị cấp nước bán lẻ tự thỏa thuận. Trong trường hợp không thống nhất được mức giá thì một trong hai bên (hoặc cả hai bên) có quyền yêu cầu Sở tài chính tổ chức hiệp thương giá theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp giá nước sạch do UBND Thành phố phê duyệt thấp hơn phương án giá nước sạch đã được tính đúng, tính đủ do đơn vị cấp nước lập và Sở Tài chính thẩm định theo quy định thì hàng năm UBND Thành phố xem xét, cấp bù từ ngân sách thành phố hoặc thông qua các cơ chế, chính sách hỗ trợ để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đơn vị cấp nước.

4. Giá nước sạch được điều chỉnh khi có sự thay đổi về công nghệ xử lý nước, quy chuẩn chất lượng dịch vụ; sự thay đổi về cơ chế chính sách của Nhà nước có liên quan làm giá nước sạch tăng (hoặc giảm) thì UBND Thành phố xem xét, điều chỉnh mức giá nước sạch cho phù hợp.

Chương V

SỬ DỤNG VÀ THANH TOÁN TIỀN NƯỚC

Điều 16. Trách nhiệm và quyền lợi của khách hàng

1. Sử dụng nước tiết kiệm, đúng mục đích đã thỏa thuận trong Hợp đồng cung cấp và sử dụng nước đã ký kết với đơn vị cấp nước và theo quy định này.

2. Bảo vệ các công trình cấp nước, hành lang và khu vực an toàn công trình cấp nước; không gây trở ngại cho việc quản lý và khai thác đường ống nước.

3. Thanh toán kịp thời và đầy đủ các chi phí sử dụng nước theo quy định của đơn vị cấp nước.

4. Thông báo kịp thời cho đơn vị cấp nước về các vấn đề liên quan đến việc cung cấp và sử dụng nước để xử lý và trả lời theo thẩm quyền.

5. Khách hàng có các quyền lợi được quy định tại Điểm a, b, c, d, đ, e, g Khoản 1, Điều 56 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

Điều 17. Cách tính lượng nước sử dụng

1. Lượng nước sử dụng bằng hiệu số của chỉ số đồng hồ đo nước giữa hai kỳ đọc. Đơn vị để tính lượng nước sử dụng là mét khối (m^3). Việc đọc chỉ số đồng hồ đo nước theo chu kỳ quản lý của đơn vị cấp nước.

2. Khách hàng có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để nhân viên đơn vị cấp nước đọc và ghi chỉ số nước, kiểm tra đồng hồ đo nước và tình hình sử dụng nước theo yêu cầu của công tác quản lý.

Điều 18. Thay đổi mục đích sử dụng nước

1. Khách hàng có nhu cầu thay đổi mục đích sử dụng nước đã đăng ký thì phải đăng ký lại với đơn vị cấp nước để áp giá tiêu thụ nước phù hợp với mục đích sử dụng nước thực tế.

2. Trường hợp khách hàng sử dụng nước không chỉ cho sinh hoạt mà còn cho sản xuất, kinh doanh hoặc mục đích khác thì lượng nước sử dụng sẽ được tính cho sản xuất, kinh doanh.

3. Trường hợp khách hàng thay đổi mục đích sử dụng nước mà không đăng ký lại với đơn vị cấp nước thì đơn vị cấp nước được quyền áp giá tiêu thụ nước theo mục đích sử dụng thực tế kể từ ngày đơn vị cấp nước phát hiện khách hàng thay đổi mục đích sử dụng nước.

4. Trường hợp khách hàng chuyển giao quyền sử dụng đồng hồ đo nước cho khách hàng khác, thì khách hàng mới phải ký kết lại hợp đồng dịch vụ cấp nước với đơn vị cấp nước.

5. Trường hợp hộ gia đình, đơn vị, tổ chức được chia tách thành nhiều chủ thể sử dụng khác nhau, thì mỗi chủ thể sử dụng thuộc hộ gia đình, đơn vị, tổ chức đó đều có quyền sử dụng chung đồng hồ nước đã được lắp đặt cho đến khi được lắp đặt đồng hồ đo nước riêng.

Điều 19. Thanh toán tiền sử dụng nước

1. Khách hàng phải thanh toán đầy đủ tiền nước sử dụng khi nhận được hóa đơn tiền nước hoặc giấy báo nộp tiền. Nhân viên của đơn vị cấp nước sẽ đến thu tiền nước sử dụng tại nhà khách hàng và trả ngay hoá đơn thu tiền nước. Hoá đơn thanh toán tiền nước sạch do đơn vị cấp nước phát hành theo mẫu quy định của cơ quan thuế. Tiền nước có thể thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

2. Trường hợp khách hàng chưa thể thanh toán tiền nước ngay khi nhận giấy báo tiền nước thì khách hàng phải đến thanh toán tiền nước tại địa điểm do đơn vị cấp nước quy định trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được giấy báo. Sau thời gian này khách hàng vẫn chưa thanh toán tiền nước thì đơn vị cấp nước sẽ gửi giấy báo tiền nước lần hai (lần cuối cùng). Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận giấy báo lần 2, khách hàng phải thanh toán. Quá thời hạn trên mà khách hàng chưa thanh toán tiền nước, đơn vị cấp nước tạm ngừng cung cấp nước cho đến khi khách hàng thanh toán đầy đủ tiền nước theo giấy báo và cung cấp nước lại sau khi lý do tạm ngừng cấp nước đã được khắc phục. Chi phí cho việc tạm ngừng và cung cấp nước trở lại sẽ do khách hàng chi trả cho đơn vị cấp nước.

Chương VI

BẢO VỆ CÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC

Điều 20. Bảo vệ hành lang an toàn đường ống và công trình cấp nước

1. Hành lang an toàn đường ống cấp nước được áp dụng theo mục 8. Ống dẫn, mạng lưới và công trình trên mạng - TCXDVN 33:2006 cấp nước mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế, ban hành kèm theo Quyết định số 06/2006/QĐ-BXD ngày 17/3/2006 của Bộ Xây dựng.

Hành lang an toàn bảo vệ các giếng khai thác nước, trạm xử lý, trạm bơm, bể chứa và các công trình cấp nước theo quy định tại Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 33:2006 của Bộ Xây dựng.

2. Trong hành lang bảo vệ an toàn công trình cấp nước, nghiêm cấm những hành vi sau:

a) Xây dựng nhà cửa, lều quán, rào chắn, vật kiến trúc, kho tàng, bến bãi, biển quảng cáo hay bất cứ công trình nào (kể cả xây dựng tạm thời);

b) Dùng, đỗ các loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe cơ giới chuyên dùng... có tải trọng vượt quá tải trọng chịu tải của đường ống theo quy định. Trường hợp phương tiện vượt quá tải trọng chịu tải của đường ống theo quy định, muốn đi qua phải làm cầu chịu tải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

c) Xả rác, chất thải, các loại hóa chất, đồ đất, đá, phế thải, vật liệu xây dựng;

d) Đào bới, lấy đất đá.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân khi khảo sát, thiết kế, xây dựng các công trình khác có liên quan đến công trình cấp nước, hành lang và khu vực an toàn công trình cấp nước phải có sự thỏa thuận với đơn vị cấp nước và tuân thủ quy định này.

4. Mọi cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trước khi thi công các công trình có ảnh hưởng đến hành lang, khu vực an toàn công trình cấp nước phải tuân theo các quy định sau:

a) Có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền;

b) Trực tiếp liên hệ với đơn vị cấp nước có liên quan về việc thi công;

c) Chỉ được khởi công khi đã thực hiện đầy đủ các biện pháp, đảm bảo an toàn cho các công trình cấp nước có liên quan;

d) Khôi phục lại, nguyên trạng các khu vực đã bị thay đổi sau khi đã hoàn thành công việc.

Điều 21. Bảo vệ khu xử lý nước, trạm bơm, giếng khai thác nước

1. Đơn vị cấp nước phải xây dựng tường rào bảo vệ khuôn viên nhà máy nước, khu vực xử lý nước, trạm bơm, giếng khai thác nước.

2. Đơn vị cấp nước phải thực hiện nghiêm ngặt chế độ đảm bảo vệ sinh môi trường trong khuôn viên nhà máy nước, khu vực xử lý nước, trạm bơm, giếng khai thác nước và các hồ chứa nước phục vụ cho khai thác, xử lý.

3. Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm đến sự an toàn, vệ sinh của nhà máy nước, khu vực xử lý nước, trạm bơm, giếng khai thác nước và các hồ chứa nước phục vụ cho khai thác, xử lý.

Điều 22. Bảo vệ mạng lưới cấp nước, các công trình phụ trợ khác

1. Khách hàng có trách nhiệm cùng đơn vị cấp nước bảo vệ hệ thống ống dẫn nước, điểm đầu nối trước đồng hồ đo nước; khi phát hiện sự cố, các trường hợp rò rỉ nước từ mạng lưới đường ống cấp nước, khách hàng có trách nhiệm báo ngay cho đơn vị cấp nước.

2. Nghiêm cấm tự ý đục phá đường ống nước để lấy nước, tháo mở lấy cắp các phụ kiện, thiết bị được lắp đặt trên hệ thống cấp nước hoặc các hành vi gây hư hại cho mạng lưới đường ống.

3. Nghiêm cấm tự ý di dời, nâng, hạ, thay đổi kích cỡ đường ống phía trước điểm đặt đồng hồ đo nước; tự ý đấu nối đường ống dẫn nước trước đồng hồ đo nước để lấy nước sử dụng.

4. Nghiêm cấm các hành vi tự ý đục phá, thay đổi, tháo gỡ, lấy cắp, điều chỉnh hoặc các hành vi gây hư hại cho các công trình cấp nước phụ trợ, các thiết bị đi kèm các công trình cấp nước do đơn vị cấp nước quản lý.

5. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm gây thiệt hại đến công trình và mạng lưới cấp nước phải chịu mọi phí tổn về việc sửa chữa, khắc phục hậu quả và bị xử phạt hành chính theo Nghị định số 23/2009/NĐ-CP ngày 27/02/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị có liên quan

1. Sở Xây dựng

- a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp nước đô thị Thành phố;
- b) Lập quy hoạch tổng thể cấp nước đô thị trên địa bàn Thành phố;
- c) Xây dựng kế hoạch đầu tư hàng năm, 5 năm và phân kỳ đầu tư về hạ tầng cấp nước đô thị và các khu vực lân cận;

d) Phối hợp với Sở tài chính thẩm định phương án giá nước sạch, điều chỉnh giá nước sạch, phương án cấp bù (nếu có) trước khi trình UBND Thành phố phê duyệt;

đ) Chủ trì tổ chức hướng dẫn các tổ chức, cá nhân và các đơn vị cấp nước thực hiện Quy định này;

è) Phối hợp với Sở Y tế kiểm tra, giám sát đơn vị cấp nước thực hiện các nghĩa vụ theo quy định, quy chế đảm bảo an toàn cấp nước, đánh giá đảm bảo các tiêu chuẩn về chất lượng nước;

g) Chỉ đạo Thanh tra Xây dựng kiểm tra, phát hiện kịp thời, xử lý các hành vi xâm phạm công trình cấp nước, hành lang và khu vực an toàn công trình, mạng lưới cấp nước theo Nghị định 23/2009/NĐ-CP ngày 27/ 02/2009 của Chính phủ.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì tổng hợp danh mục các dự án đầu tư trong lĩnh vực cấp nước theo từng giai đoạn trình UBND Thành phố phê duyệt để kêu gọi đầu tư;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển cấp nước trên địa bàn thành phố Hà Nội, bố trí, cân đối nguồn kinh phí hỗ trợ hoặc đầu tư phát triển các công trình, dự án phát triển hệ thống cấp nước trình UBND Thành phố.

3. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng thẩm định, trình UBND Thành phố phê duyệt: phương án giá nước sạch và biểu giá nước sạch sinh hoạt do đơn vị cấp nước xây dựng theo quy định; phương án (hoặc mức) cấp bù từ ngân sách thành phố đối với trường hợp quy định tại khoản 3, điều 15 của bản Quy định này;

b) Chủ trì, thực hiện kiểm tra việc áp dụng giá nước sạch khi được UBND Thành phố yêu cầu; Hướng dẫn các đơn vị cấp nước thực hiện việc thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn Thành phố;

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư phát triển cấp nước.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Tăng cường quản lý, kiểm tra xử lý vi phạm trong việc khai thác nguồn tài nguyên nước theo quy định của pháp luật;

b) Hướng dẫn các nhà đầu tư về các thủ tục cấp phép thăm dò, khai thác, và thẩm định, phê duyệt hồ sơ đánh giá tác động môi trường hoặc trình UBND Thành phố phê duyệt theo phân cấp;

c) Thực hiện bố trí quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để xây dựng công trình cấp nước.

5. Cục Thuế Thành phố:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng xây dựng mức phí xử lý nước thải trình UBND Thành phố phê duyệt;

b) Hướng dẫn các đơn vị cấp nước phát hành hoá đơn sử dụng nước sạch theo mẫu quy định, đăng ký nộp thuế khai thác tài nguyên nước, thực hiện các chính sách miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật về thuế và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

6. Sở Giao thông vận tải:

a) Phối hợp với Sở Xây dựng trong việc triển khai các công trình hạ tầng giao thông đồng bộ với các công trình hạ tầng đô thị đảm bảo tính hiệu quả;

b) Tổ chức cấp phép đào hè, đường và giám sát thực hiện theo phân cấp quản lý.

7. Sở Quy hoạch - Kiến trúc:

Thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng các dự án phát triển nguồn nước, nhà máy nước, các trạm bơm tăng áp, tham gia về hướng tuyến các tuyến ống (truyền dẫn) cấp I theo phân cấp.

8. Sở Y tế:

Định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra chất lượng nước của các đơn vị cấp nước trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

9. Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã:

a) Thực hiện tuyên truyền, vận động người dân sử dụng nước tiết kiệm và bảo vệ các công trình cấp nước;

b) Xây dựng kế hoạch về nhu cầu sử dụng nước trên địa bàn;

c) Chỉ đạo công tác giải phóng mặt bằng, các dự án công trình hạ tầng cấp nước trên địa bàn, kịp thời giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo UBND Thành phố để chỉ đạo, giải quyết những khó khăn vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng các dự án cấp nước;

10. Công an Thành phố:

Chỉ đạo các lực lượng Công an quận, huyện, thị xã phối hợp với các lực lượng Thanh tra của Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải và UBND các quận huyện, thị xã kiểm tra xử lý kịp thời các vi phạm trong hoạt động sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn Thành phố.

11. Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy:

a) Chịu trách nhiệm thẩm duyệt thiết kế và thiết bị hệ thống cấp nước phòng cháy, chữa cháy đối với hệ thống cấp nước tập trung trên địa bàn Thành phố;

b) Phối hợp với Sở Xây dựng, đơn vị cấp nước và UBND các quận, huyện, thị xã xây dựng phương án quản lý, sử dụng hiệu quả hệ thống cấp nước phòng cháy, chữa cháy; xác nhận lượng nước đã sử dụng vào công tác phòng cháy chữa cháy cho đơn vị cấp nước;

c) Phối hợp với Sở Xây dựng, đơn vị thi công, đơn vị cấp nước tiếp nhận hồ sơ, nghiệm thu vận hành hệ thống phòng cháy, chữa cháy của các dự án cấp nước hoàn thành đưa vào sử dụng.

12. Đơn vị cấp nước:

a) Quản lý vận hành an toàn và hiệu quả các trang thiết bị, công trình cấp nước; tổ chức thực hiện các dự án được giao bảo đảm tiến độ và hiệu quả;

b) Đẩy mạnh công tác chống thất thoát, thất thu nước sạch, bảo vệ an toàn nguồn nước;

c) Phối hợp với các lực lượng thanh tra xây dựng, công an tại địa phương để xử lý các vi phạm;

d) Lập kế hoạch sản xuất cấp nước, kế hoạch đầu tư phát triển hạ tầng cấp nước, báo cáo Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch đầu tư để tổng hợp báo cáo UBND Thành phố;

e) Kiện toàn bộ máy quản lý, vận hành của đơn vị theo hướng gọn nhẹ và hiệu quả;

f) Chịu trách nhiệm quản lý, bảo dưỡng, duy tu, bảo vệ các họng, trụ, bể chứa nước phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn quản lý.

Điều 24. Điều khoản thi hành

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp, các tổ chức, đơn vị, cá nhân có văn bản phản ánh gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Khôi

Mẫu (HỘ GIA ĐÌNH)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

ĐỀ NGHỊ CẤP NƯỚC SẠCH

Kính gửi:

Chủ hộ (hoặc kh/h sd nước):

Điện thoại:

Địa chỉ đề nghị cấp nước: Số nhà:

Ngõ/ngách/hẻm:

Đường phố (xóm, thôn, tổ):

Phường (xã, thị trấn):

Quận (huyện):

Đăng ký: Lắp đặt mới:

Tách hộ:

Lắp đặt lại:

Đang sử dụng chung đồng hồ, Tên chủ hợp đồng dùng chung:

Số người sử dụng:

Lượng nước dự kiến sử dụng là:

m³/tháng

Mục đích sử dụng: Sinh hoạt (SH) Sản xuất (SX) Kinh doanh dịch vụ (KDDV)

*** Đơn vị cấp nước và khách hàng cam kết (theo các Nghị định số 117/2007/NĐ-CP, số 124/2011/NĐ-CP)**

- Khi khách hàng đề nghị bằng văn bản vì lý do chính đáng tạm thời không có nhu cầu sử dụng nước trong một thời gian nhất định nhưng không chấm dứt hợp đồng thì Đơn vị cấp nước sẽ tạm đóng nguồn, ngừng cấp nước. Khi khách hàng có nhu cầu sử dụng nước trở lại thì thông báo cho Đơn vị cấp nước bằng văn bản, đơn vị cấp nước sẽ mở lại nguồn cấp nước. Khi phí đóng, mở nguồn khách hàng thanh toán theo dự toán.

- Khách hàng nhất trí: Đã hiểu và thực hiện đầy đủ mọi quy định; quy chế hiện hành về lắp đặt, quản lý sử dụng nước của Thành phố và của Đơn vị cấp nước.

XÁC NHẬN CỦA UBND PHƯỜNG (XÃ)

(Nơi đề nghị cấp nước)

CHỦ HỘ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn:

1. Chủ hộ (chủ sở hữu nhà đất) đứng tên khai đầy đủ nội dung thông tin theo đề nghị cấp nước
2. Đối với các hộ làm bổ sung tại các tổ dân phố, cụm dân cư đã được cấp nước mà các tổ, cụm dân cư là chủ đầu tư đường ống dịch vụ thì phải có thỏa thuận đầu nối với đại diện đầu tư ban đầu với nội dung: "Đồng ý cho đầu vào đường ống cấp nước đã có kinh phí đường trục đã đóng góp đầy đủ".
3. Khách hàng đề nghị cấp nước yêu cầu nộp kèm theo giấy tờ liên quan đến địa chỉ đề nghị cấp nước, cụ thể:
 - Trường hợp lắp đặt mới: Bản công chứng: hộ khẩu hoặc giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà; đất và đăng ký tạm trú. Một gia đình có nhiều hộ khẩu sống cùng 1 ngôi nhà chỉ được cấp 1 đồng hồ và được tính giá nước theo quy định. Nếu chỉ có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà; đất; giá nước được tính theo giá sinh hoạt cao nhất.
 - Trường hợp tách hộ: Phải có nhà ở độc lập, riêng biệt. Bản công chứng: hộ khẩu hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà; đất. Hóa đơn tiền nước tháng gần nhất và xác nhận của chủ hợp đồng sử dụng chung đồng ý cho tách riêng đầu máy. Không tách đồng hồ cho cả hộ đang sử dụng nước từ trạm bơm không do Đơn vị cấp nước quản lý.
 - Trường hợp lắp đặt: Có quy định riêng. Trong trường hợp cụ thể Đơn vị cấp nước sẽ xem xét giải quyết.
4. Không cấp nước đối với trường hợp đất trống; nhà không có người ở; không thỏa thuận đầu nối được với đại diện đầu tư ban đầu; vị trí đặt đồng hồ không đảm bảo quản lý, khu vực chưa có quy hoạch cấp nước.

Ngày tháng năm 20
Người tiếp nhận hồ sơ.

Mẫu (CƠ QUAN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 20

ĐỀ NGHỊ CẤP NƯỚC SẠCH

Kính gửi:

Tên cơ quan: Điện thoại liên hệ:
Người đại diện Chức vụ:
Địa chỉ cơ quan:
Tài khoản số: Ngân hàng:
Mã số thuế:
Địa chỉ đề nghị cấp nước: Số nhà: Ngõ/ngách/hẻm
Đường phố (xóm, thôn, tổ):
Phường (xã, thị trấn): Quận (huyện):
Đăng ký: Lắp đặt mới: Tách hộ: Lắp đặt lại:
Đang sử dụng chung đồng hồ, Tên chủ hợp đồng dùng chung:
Số người sử dụng: Lượng nước dự kiến sử dụng là: m³/tháng
Mục đích sử dụng: Sinh hoạt (SH) Sản xuất (SX) Kinh doanh dịch vụ (KDDV)

*** Đơn vị cấp nước và khách hàng cam kết (theo các Nghị định số 117/2007/NĐ-CP, số 124/2011/NĐ-CP)**

- Khách hàng có nhu cầu sử dụng nước phải đấu vào tuyến ống cấp 2, đồng hồ >D15, hoặc nằm ngoài vùng phục vụ của Đơn vị cấp nước thì phải có sự thỏa thuận về điểm đấu nối và kinh phí giữa hai bên nhằm đảm bảo quyền lợi kinh doanh của đơn vị cấp nước.
- Khi khách hàng đề nghị bằng văn bản vì lý do chính đáng tạm thời không có nhu cầu sử dụng nước trong một thời gian nhất định nhưng không chấm dứt hợp đồng thì Đơn vị cấp nước sẽ tạm đóng nguồn, ngừng cấp nước. Khi khách hàng có nhu cầu sử dụng nước trở lại thì thông báo cho Đơn vị cấp nước bằng văn bản, Đơn vị cấp nước sẽ mở lại nguồn cấp nước. Khi phí đóng, mở nguồn khách hàng thanh toán theo dự toán.
- Khách hàng nhất trí: Đã hiểu và thực hiện đầy đủ mọi quy định; quy chế hiện hành về lắp đặt, quản lý sử dụng nước của Thành phố và của Đơn vị cấp nước.

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN

(Nơi đề nghị cấp nước)

Hướng dẫn:

1. Khách hàng nộp đề nghị cấp nước yêu cầu nộp kèm theo giấy tờ liên quan (bản công chứng) đến địa chỉ đề nghị cấp nước:

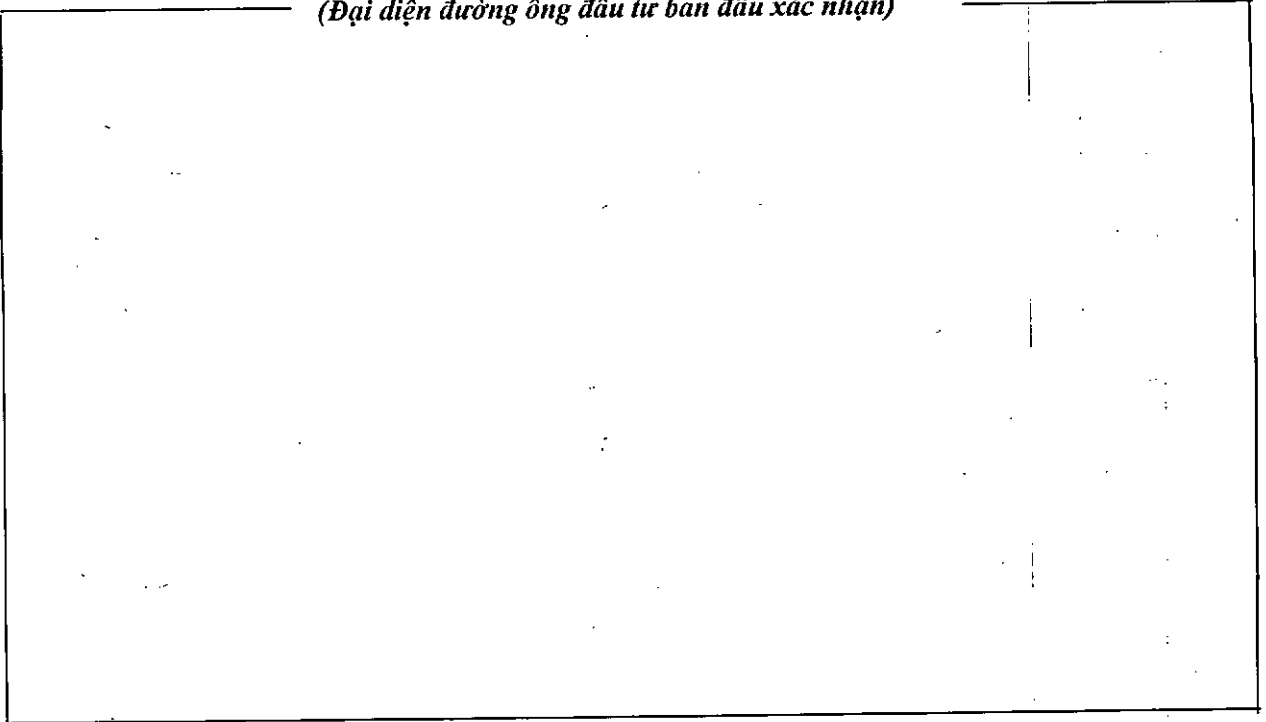
- **Trường hợp lắp đặt mới:** Quyết định thành lập doanh nghiệp, Giấy phép xây dựng hoặc Giấy đăng ký kinh doanh, hợp đồng thuê nhà. Đồng thời có công văn của chủ sở hữu đất ủy quyền v/v đấu nối cấp nước.

- **Trường hợp lắp đặt:** Trong trường hợp cụ thể Đơn vị cấp nước sẽ xem xét giải quyết.

2. Không cấp nước đối với trường hợp đất trống; cơ quan không có người ở; không thỏa thuận đấu nối được với đại diện đầu tư ban đầu; vị trí đặt đồng hồ không đảm bảo quản lý, khu vực chưa có quy hoạch cấp nước.

Ngày tháng năm

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN ĐƯỜNG ống NƯỚC
(Đại diện đường ống đầu tư ban đầu xác nhận)



KHÁCH HÀNG VẼ SƠ ĐỒ CHỈ DẪN ĐƯỜNG TÌM ĐẾN NHÀ

